

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2019

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm Nhân dân: bà Vũ Thị Kim Dung và bà Đỗ Thị Ngọc Hoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết, Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Duy T, sinh ngày 05/5/1975 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu hành chính 5, phường N, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy H và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 01. Tại bản án số 21/2017/HSST ngày 22/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xử phạt Trần Duy T 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Chấp hành xong hình phạt ngày 05/8/2017, án phí hình sự nộp tháng 10/2017; nhân thân: Tại bản án số 139/HSST ngày 19/9/1996, Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt Trần Duy T 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Tại bản án số 44/HSST ngày 12/11/1996, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) V xử phạt Trần Duy T 06 tháng tù nH cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Tại bản án số 10/HSST ngày 27/02/1998, Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt Trần Duy T 06 năm tù về hai tội "Trộm cắp tài sản của công dân" và "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa", tổng hợp với bản án số 44/HSST ngày 12/11/1996 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) V, buộc T phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm 06 tháng tù. Tại bản án số 52/HSST ngày 06/6/2002, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) V xử phạt Trần Duy T 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại bản án số 57/HSST ngày 16/6/2005, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) V xử phạt Trần Duy T 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại bản án số 07//2009/HSST ngày 16/01/2009, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt Trần Duy T 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 29/8/2013, Chủ tịch UBND thành phố V ra quyết định số 3038- QĐ/CT đưa Trần Duy T đi cai

nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, T chấp hành xong trở về địa phương ngày 09/9/2015. Ngày 26/9/2016, Công an thành phố V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Duy T về hành vi “Trộm cắp tài sản”, mức phạt 1.500.000đ, T đã nộp phạt ngày 14/11/2016. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2018 (có mặt).

Người bị hại: A Kim A T- sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh V (vắng mặt).

Ông Nguyễn Nam T- sinh năm 1953; địa chỉ: Khu hành chính 17, phường L, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

A Đỗ T A, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Duy T là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm nên thường đi lang thang trên địa bàn thành phố V tìm tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ ngày 11/12/2018 đến ngày 15/12/2018, Trần Duy T đã thực hiện 03 vụ Trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V, tỉnh V, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/12/2018, T đi đến đường L thuộc phường L, thành phố V thì phát hiện xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 88F1- 205.32 của A Kim Văn T dựng trên vỉa hè trước cửa Công ty cổ phần tư vấn thiết kế giao thông và xây dựng V. Quan sát xung quanh thấy không có ai nên T đến dắt chiếc xe máy xuống lòng đường Lê Ngọc Trinh. Khi T dắt chiếc xe máy trên đi được khoảng 02m thì bị anh T phát hiện đuổi theo và giữ lại chiếc xe. Thấy vậy, T bỏ lại xe máy rồi bỏ chạy.

Ngày 13/12/2018, anh Kim Văn T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe máy trên.

Tại Kết luận định giá số 07/KL- HĐĐG ngày 11/01/2019, Hội đồng định giá tài sản thành phố V kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 88F1- 205.32, xe đã cũ, đã qua sử dụng, trị giá 8.500.000đ.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 88F1- 205.32, quá trình điều tra xác định đăng ký xe đứng tên anh Nguyễn Quốc H, sau đó A H bán lại chiếc xe máy trên cho anh Kim Văn T, khi bán hai bên không làm giấy tờ mua bán. Ngày 25/2/2019, Công an thành phố V đã trả lại anh T chiếc xe máy trên, anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Vụ thứ hai:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/12/2018, sau khi trộm cắp chiếc xe máy của anh Kim Văn T bị phát hiện, bỏ chạy thoát, Trần Duy T tiếp tục đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi T đi đến đường B thuộc phường L, thành phố V thì T

phát hiện thấy xe máy nhãn hiệu Prealmi I, biển kiểm soát 88F4- 0107 của ông Nguyễn Nam T dựng trên vỉa hè trước cửa số nhà 93 đường B, phường L, thành phố V. Quan sát xung quanh thấy không có ai nên T đến dắt chiếc xe máy trên xuống đường B hướng ra đường N. Khi T dắt xe đi được khoảng 25m thì bị quần chúng nhân dân phối hợp với cơ quan công an phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tang vật thu giữ: 01 xe máy biển kiểm soát 88F4-0107; 01 tua vít vỏ bằng nhựa màu vàng, dài khoảng 20cm. Sau đó, Cơ quan công an đưa T cùng tang vật về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra, do chưa xác định được trị giá xe máy biển kiểm soát 88F4- 0107 nên cùng ngày 11/12/2018, Công an thành phố ra quyết định trả tự do cho T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 234/KL-HĐĐG ngày 21/12/2018, Hội đồng định giá tài sản thành phố V kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Prealmi I, loại xe nữ, màu sơn nâu, biển kiểm soát: 88F4- 0107, xe đã cũ, đã qua sử dụng, trị giá 3.500.000đ.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 88F4- 0107, quá trình điều tra xác định đăng ký xe đứng tên ông Nguyễn Nam T. Ngày 25/02/2019, Công an thành phố V đã trả lại ông T chiếc xe máy trên, ông T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Đối với chiếc tua vít vỏ bằng nhựa màu vàng, dài khoảng 20cm, một đầu có 4 cạnh, một đầu có 2 cạnh bằng kim loại, quá trình điều tra T khai nhận nhặt được ở khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh V cũ, ở phường L, thành phố V, T sử dụng chiếc tua vít vào mục đích trộm cắp tài sản.

Vụ thứ ba:

Khoảng 19 giờ ngày 15/12/2018, Trần Duy T đi bộ qua khu vực cổng vuông trên đường Trần Quốc T thuộc phường N, thành phố V thì nhặt được 01 vạm phá khóa bằng kim loại hình L, T cất giấu vào trong người để sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước cửa số nhà 89, đường Trần Quốc T, phường N, thành phố V thì phát hiện thấy xe máy nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 32- 073.H8 của A Đỗ T A dựng trên vỉa hè. Quan sát xung quanh thấy không có ai nên T đến dắt chiếc xe máy trên về hướng ngã tư giao nhau giữa đường Trần Quốc T và đường N. Khi T dắt xe đi được khoảng 20m thì bị A T A phát hiện. Thấy vậy, T bỏ lại xe máy rồi bỏ chạy, cùng lúc này cơ quan công an làm nhiệm vụ tại khu vực trên phối hợp với quần chúng nhân dân phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T. Tang vật thu giữ: 01 vạm phá khóa bằng kim loại, hình chữ L, dài 15cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200, màu đen, xanh, trắng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 32- 073.H8.

Tại Kết luận định giá tài sản số 230 ngày 19/12/2018, Hội đồng định giá tài sản thành phố V kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Dream, loại xe nữ, màu sơn nâu, biển kiểm soát: 32- 073.H8, trị giá 4.000.000đ.

Đối với xe máy nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 32- 073.H8, quá trình điều tra xác định đăng ký xe đứng tên ông Nguyễn Đức Vinh bán lại chiếc xe máy trên cho anh Đỗ Tuấn A, khi bán xe ông Vinh và anh A không viết giấy tờ mua bán xe. Ngày 25/02/2019, Công an thành phố V đã trả lại chiếc xe máy cho anh A, anh A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự. Đối với chiếc vạm phá khoá bằng kim loại hình chữ L, quá trình điều tra T khai nhận: Ngày 15/12/2018, khi T đi bộ đến khu vực công viên trên đường Trần Quốc T, phường N, thành phố V thì T nhặt được chiếc vạm trên, T cất giấu vào trong người, mục đích để sử dụng vào việc trộm cắp tài sản.

Đối với 01 điện thoại Nokia 1200 màu đen, xanh, trắng, quá trình điều tra xác định là tài sản của Trần Duy T, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Cáo trạng số: 59/CT- VKSTPVY ngày 11/4/2019, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V đã truy tố Trần Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Trần Duy T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy T vẫn khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa anh khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Duy T từ 15 đến 18 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Duy T không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Duy T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/12/2018 đến ngày 15/12/2018, Trần Duy T đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành

phố V, tỉnh V. Tổng giá trị tài sản mà T đã chiếm đoạt là 16.000.000đ; hành vi cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/12/2018, tại trước cửa Công ty cổ phần tư vấn thiết kế giao thông và xây dựng V thuộc đường Lê Ngọc Trinh, phường L, thành phố V, tỉnh V, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của A Kim Văn T, Trần Duy T đã trộm cắp của A T 01 xe máy biển kiểm soát 88F1- 205.33. Trị giá tài sản là 8.500.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/12/2018, tại trước cửa số nhà 39 đường B, phường L, thành phố V, Trần Duy T đã trộm cắp của ông Nguyễn Nam T 01 xe máy biển kiểm soát 88F4- 0107. Trị giá tài sản là 3.500.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 15/12/2018 tại trước cửa nhà số 89 đường Trần Quốc T, phường N, thành phố V, tỉnh V, Trần Duy T đã trộm cắp của A Đỗ A T 01 xe máy biển kiểm soát 32- 073.H8. Trị giá tài sản là 4.000.000đ

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Duy T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử nH bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Trong một thời gian ngắn bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều có giá trị trên 2.000.000 đồng. Trước khi phạm tội bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này được coi là tái phạm. Do đó, đây là những tình tiết để tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội từ 02 lần trở lên và tái phạm) theo quy định tại g, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về cùng loại tội, hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra nhiều lần, ở chỗ đông người thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật. Mặt khác, hiện tình hình tội phạm trên địa bàn về các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian

nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên cả 03 lần bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tài sản mới bị dịch chuyển khỏi vị trí ban đầu nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên mức hình phạt được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định theo khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đều đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét và giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 yam phá khóa hình chữ L, 01 tô vít vỏ nhựa T dùng để sử dụng vào việc trộm cắp tài sản không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu giữ của T không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo nH được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 03 chiếc xe máy T trộm cắp của các A Kim Văn T, Đỗ T A và ông Nguyễn Nam T, Cơ quan điều tra đã trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu, nay các chủ sở hữu không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Duy T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2018).

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 yam phá khóa kim loại hình chữ L; 01 tô vít vỏ nhựa màu vàng; Trả lại Trần Duy T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Tài sản có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2019).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Duy T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền